

2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị báo cáo:.....

Địa chỉ:.....

Mẫu số B 02 - DNNT

(Ban hành theo TT số 199/2014/TT-BTC
ngày 19/12/2014 của BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm.....

PHẦN I - BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Đơn vị tính:.....

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
1	2	4	5
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10		
2. Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	11		
3. Doanh thu hoạt động tài chính	12		
4. Thu nhập khác	13		
5. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	20		
6. Giá vốn bất động sản đầu tư	21		
7. Chi phí hoạt động tài chính	22		
8. Chi phí bán hàng	23		
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24		
9. Chi phí khác	25		
10. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=10+11+12+13-20-21-22-23-24-25)	50		

11. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		
12. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		
13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		

PHẦN II - BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG

Đơn vị tính:.....

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu phí bảo hiểm (01 = 01.1 + 01.2 - 01.3) Trong đó:	01	VI.26.1		
- Phí bảo hiểm gốc	01.1			
- Phí nhận tái bảo hiểm	01.2			
- Tăng (giảm) dự phòng phí chưa được hưởng của bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	01.3			
2. Phí nhượng tái bảo hiểm	02	VI.26.2		
3. Doanh thu phí bảo hiểm thuần (03 = 01-02)	03			
4. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (04 = 04.1 + 04.2) Trong đó:	04			
- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	04.1	VI.27.1		
- Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	04.2	VI.27.2		

5. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10= 03+04)	10			
6. Chi bồi thường và trả tiền bảo hiểm	11			
7. Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	12			
8. Tăng (giảm) dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm gốc	13			
9. Tăng (giảm) dự phòng nghiệp vụ nhận tái bảo hiểm	14			
10. Tổng chi bồi thường và trả tiền bảo hiểm (15 = 11 - 12 + 13 + 14)	15	VI.28.1		
11. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (16 = 16.1 + 16.2) Trong đó: - Chi hoa hồng bảo hiểm - Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	16 16.1 16.2	VI.28.2		
12. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm (17 = 15 + 16)	17			
13. Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (18 = 10 - 17)	18			
14. Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	19			
15. Giá vốn bất động sản đầu tư	20			
16. Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư bất động sản (21 = 19 - 20)	21			
17. Doanh thu hoạt động tài chính	22	VI.29		
18. Chi phí hoạt động tài chính	23	VI.30		
19. Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính (24 = 22 - 23)	24			

20. Chi phí bán hàng	25	VI.28.3		
21. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.33.1		
22. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 18 + 21 + 24 - 25 - 26)	30			
23. Thu nhập khác	31			
24. Chi phí khác	32			
25. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40			
26. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50			
27. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.31		
28. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.32		
29. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60			

Lập, ngày ... tháng ... năm ...

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ: Thực hiện theo Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành (Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn sửa đổi, bổ sung, thay thế).